BibleVerse

Đọc Kinh Thánh trong 90 ngày · theo thứ tự các sách

1	Sáng Thế Ký 1–13
2	Sáng Thế Ký 14–26
3	Sáng Thế Ký 27–40
4	Sáng Thế Ký 41–50 · Xuất Hành Ký 1–3
5	Xuất Hành Ký 4–16
6	Xuất Hành Ký 17–29
7	Xuất Hành Ký 30–40 · Lê-vi Ký 1–2
8	Lê-vi Ký 3–16
9	Lê-vi Ký 17–27 · Số Đếm Ký 1–2
10	Số Đếm Ký 3–15
11	Số Đếm Ký 16–28
12	Số Đếm Ký 29–36 · Phục Truyền Luật Lệ Ký 1–6
13	Phục Truyền Luật Lệ Ký 7–19
14	Phục Truyền Luật Lệ Ký 20–32
15	Phục Truyền Luật Lệ Ký 33–34 · Giô-suê 1–11
16	Giô-suê 12–24
17	Các Thủ Lãnh 1–14
18	Các Thủ Lãnh 15–21 · Ru-tơ 1–4 · 1 Sa-mu-ên 1–2
19	1 Sa-mu-ên 3–15
20	1 Sa-mu-ên 16–28
21	1 Sa-mu-ên 29–31 · 2 Sa-mu-ên 1–10
22	2 Sa-mu-ên 11–24
23	1 Các Vua 1–13
24	1 Các Vua 14–22 · 2 Các Vua 1–4
25	2 Các Vua 5–17
26	2 Các Vua 18–25 · 1 Sử Ký 1–5
27	1 Sử Ký 6–19
28	1 Sử Ký 20–29 · 2 Sử Ký 1–3
29	2 Sử Ký 4–16
30	2 Sử Ký 17–29
31	2 Sử Ký 30–36 · Ê-xơ-ra 1–7
32	Ê-xơ-ra 8–10 · Nê-hê-mi 1–10
33	Nê-hê-mi 11–13 · Ê-xơ-tê 1–10
34	Gióp 1–13
35	Gióp 14–26
36	Gióp 27–40
37	Gióp 41–42 · Thi-thiên 1–11
38	Thi-thiên 12–24

39Thi-thiên 25–37

40Thi-thiên 38–50

41Thi-thiên 51–64

42Thi-thiên 65–77

43Thi-thiên 78–90

44Thi-thiên 91–103

45Thi-thiên 104–116

46Thi-thiên 117–130

47Thi-thiên 131–143

48Thi-thiên 144–150 · Châm Ngôn 1–6

49Châm Ngôn 7–19

50Châm Ngôn 20–31 · Truyền Đạo 1–2

51Truyền Đạo 3–12 · Nhã Ca 1–3

52Nhã Ca 4–8 · Ê-sai 1–8

53Ê-sai 9–21

54Ê-sai 22–34

55Ê-sai 35–48

56Ê-sai 49–61

57Ê-sai 62–66 · Giê-rê-mi 1–8

58Giê-rê-mi 9–21

59Giê-rê-mi 22–34

60Giê-rê-mi 35–48

61Giê-rê-mi 49–52 · Ai Ca 1–5 · Ê-xê-chi-ên 1–4

62Ê-xê-chi-ên 5–17

63Ê-xê-chi-ên 18–30

64Ê-xê-chi-ên 31–44

65Ê-xê-chi-ên 45–48 · Đa-ni-ên 1–9

66Đa-ni-ên 10–12 · Hô-sêa 1–10

67Hô-sêa 11–14 · Giô-ên 1–3 · A-mốt 1–6

68A-mốt 7–9 · Áp-đi-a 1 · Giô-na 1–4 · Mi-chê 1–5

69Mi-chê 6–7 · Na-hum 1–3 · Ha-ba-cúc 1–3 · Sô-phô-ni 1–3 · A-gê 1–2 · Xa-cha-ri 1

70Xa-cha-ri 2–14

71Ma-la-chi 1–4 · Ma-thi-ơ 1–9

72Ma-thi-ơ 10–22

73Ma-thi-ơ 23–28 · Mác 1–7

74Mác 8–16 · Lu-ca 1–5

75Lu-ca 6–18

76Lu-ca 19–24 · Giăng 1–7

77Giăng 8–20

78Giăng 21 · Công Vụ Các Sứ Đồ 1–12

79Công Vụ Các Sứ Đồ 13–26

80Công Vụ Các Sứ Đồ 27–28 · Rô-ma 1–11

81Rô-ma 12–16 · 1 Cô-rinh-tô 1–8

821 Cô-rinh-tô 9–16 · 2 Cô-rinh-tô 1–5

832 Cô-rinh-tô 6–13 · Ga-la-ti 1–6

84Ê-phê-sô 1–6 · Phi-líp 1–4 · Cô-lô-se 1–3

85Cô-lô-se 4 · 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1–5 · 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1–3 · 1 Ti-mô-thê 1–4

861 Ti-mô-thê 5–6 · 2 Ti-mô-thê 1–4 · Tít 1–3 · Phi-lê-môn 1 · Hê-bơ-rơ 1–3

87Hê-bơ-rơ 4–13 · Gia-cơ 1–3

88Gia-cơ 4–5 · 1 Phi-rơ 1–5 · 2 Phi-rơ 1–3 · 1 Giăng 1–4

891 Giăng 5 · 2 Giăng 1 · 3 Giăng 1 · Giu-đe 1 · Khải Huyền 1–9

90Khải Huyền 10–22